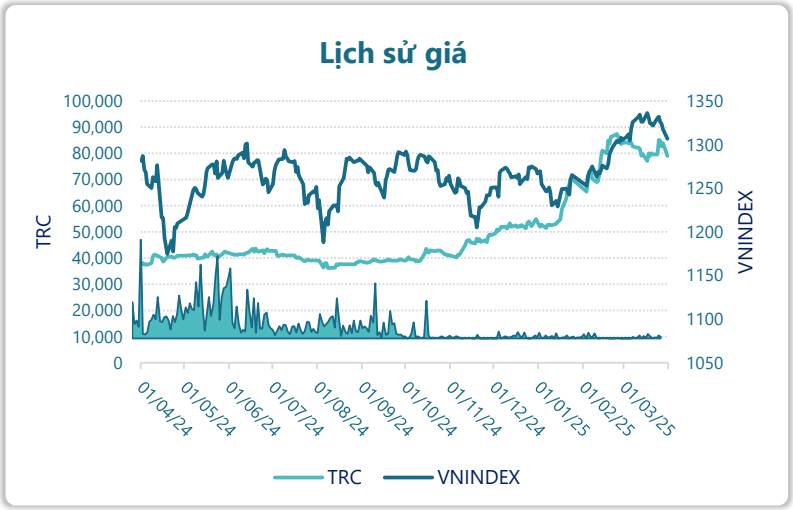
FireAnt

CTCP Cao su Tây Ninh (HSX: TRC)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**79,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	87,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	36,168
SL cổ phiếu LH	29,125,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	183,870
% sở hữu nước ngoài	2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,301
P/E	8.3
EPS	9,491

DT thuần

Q1/25

226

tỷ VNĐ

QoQ: ▼70.0| -23.6%

YoY: ▲ 80.0| 54.9%

LN sau thuế

Q1/25

70.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼49.6| -41.3%

YoY: ▲ 55.0| 357%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

33.9%

+/- YoY: ▲ 17.9%

DT thuần

2024

744

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 181| 32.2%

LN sau thuế

2024

221

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 153| 227%

ROE

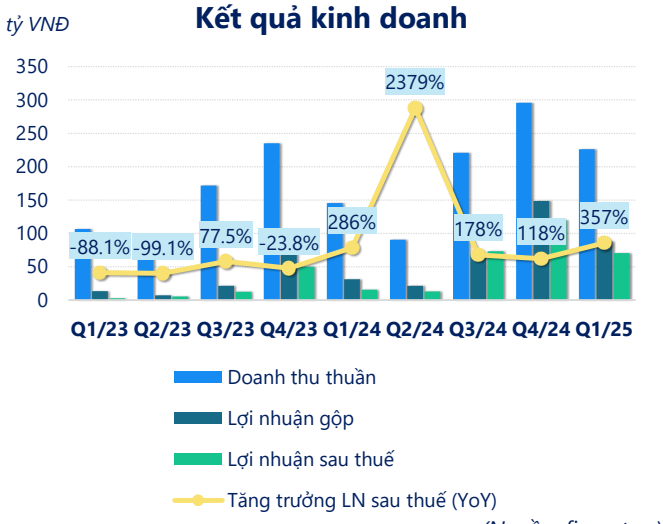
2024

12.5%

+/- YoY: ▲ 8.4%

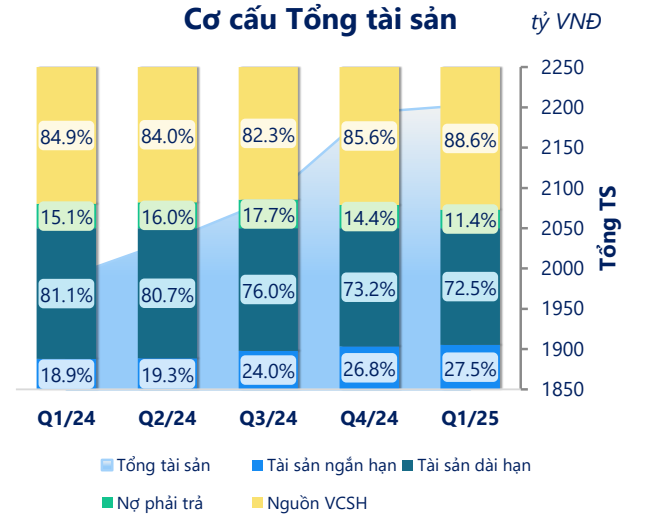
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



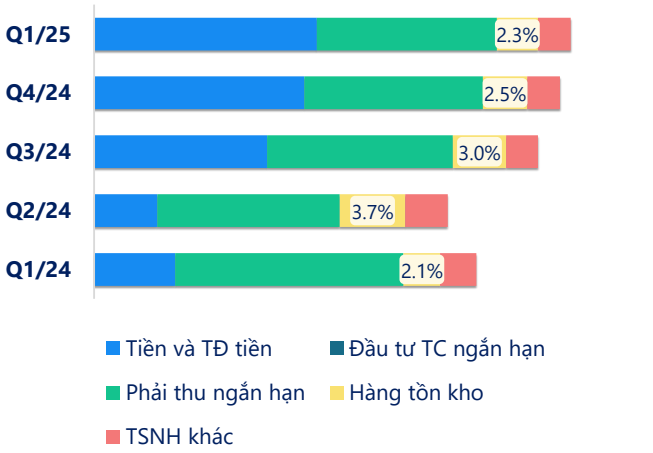
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



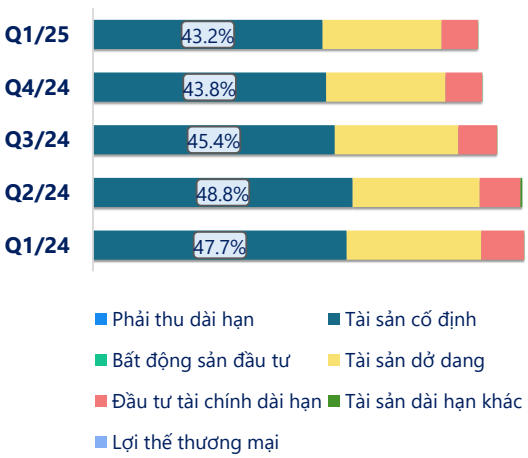
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



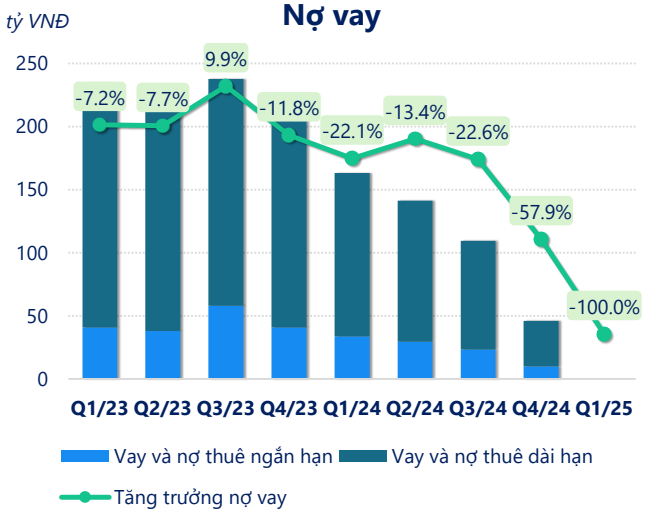
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



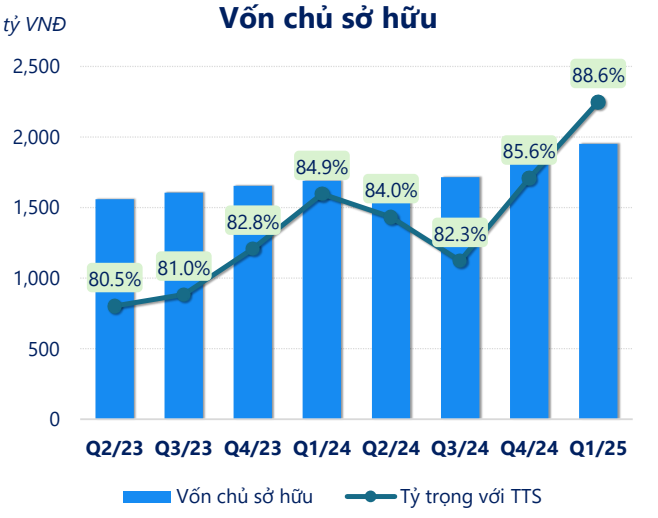
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



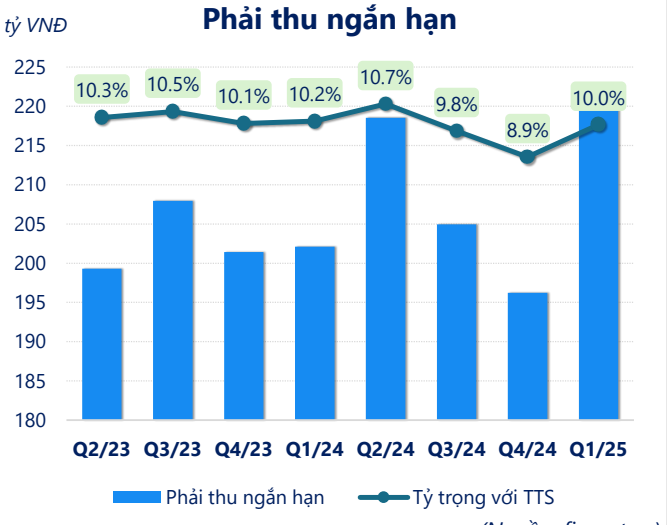
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



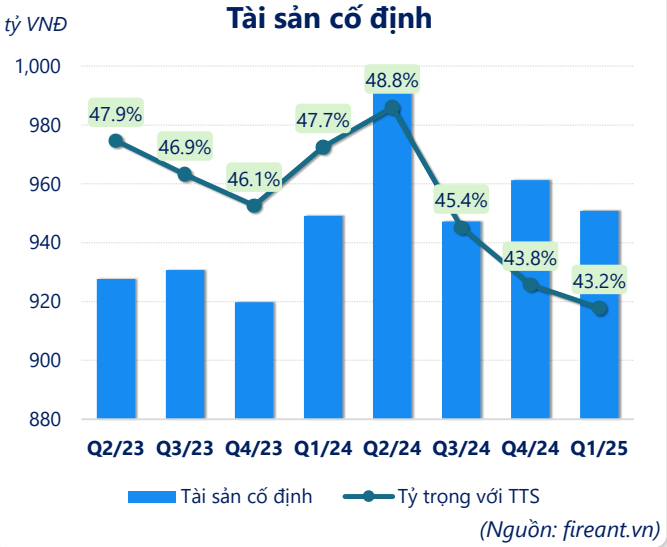
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



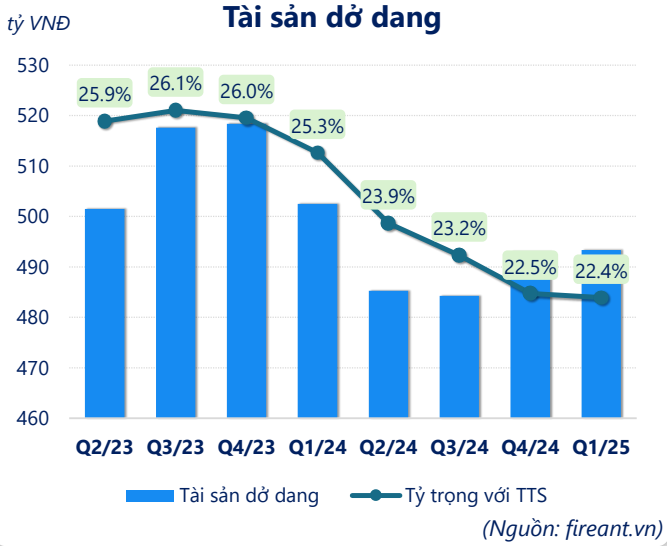
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



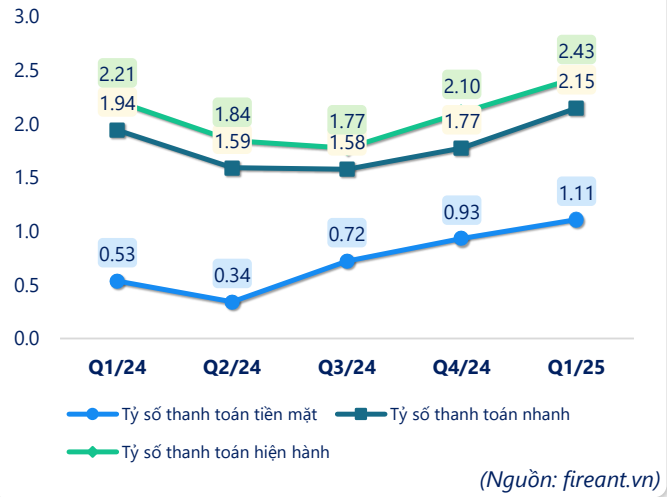
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



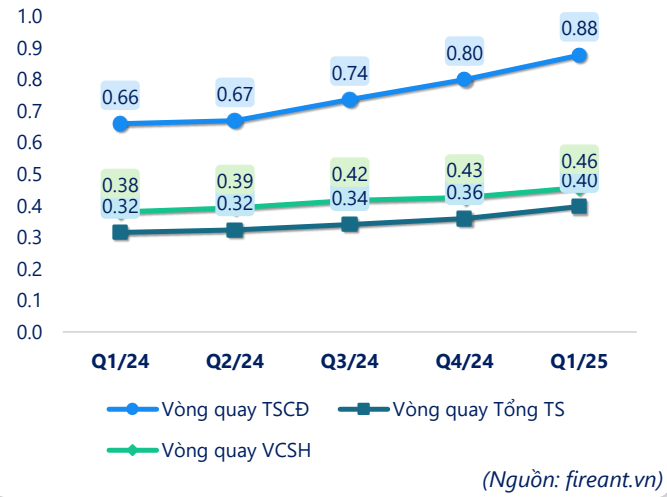
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,989**	**2,033**	**2,085**	**2,194**	**2,203**
Tài sản ngắn hạn	**376**	**392**	**500**	**587**	**607**
Tiền và tương đương tiền	90.9	72.7	203	260	277
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	202	219	205	196	221
Hàng tồn kho	46.1	53.5	55.5	92.2	70.4
Tài sản ngắn hạn khác	36.8	47.5	36.2	38.9	38.3
Tài sản dài hạn	**1,613**	**1,641**	**1,585**	**1,606**	**1,596**
Phải thu dài hạn	0.56	0.58	0.56	0.58	0.58
Tài sản cố định	949	993	947	961	951
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	503	485	484	493	493
Đầu tư tài chính dài hạn	160	156	152	150	151
Tài sản dài hạn khác	0.57	6.62	0.94	1.25	1.05
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**299**	**325**	**369**	**317**	**251**
Nợ ngắn hạn	**170**	**213**	**282**	**279**	**250**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.8	29.4	23.2	9.80	0
Phải trả người bán ngắn hạn	12.4	12.9	11.8	1.95	8.86
Nợ dài hạn	129	112	87.2	37.5	1.32
Vay và nợ thuê dài hạn	129	112	86.1	36.2	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,690**	**1,709**	**1,716**	**1,877**	**1,952**
Vốn chủ sở hữu	**1,690**	**1,709**	**1,716**	**1,877**	**1,952**
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)